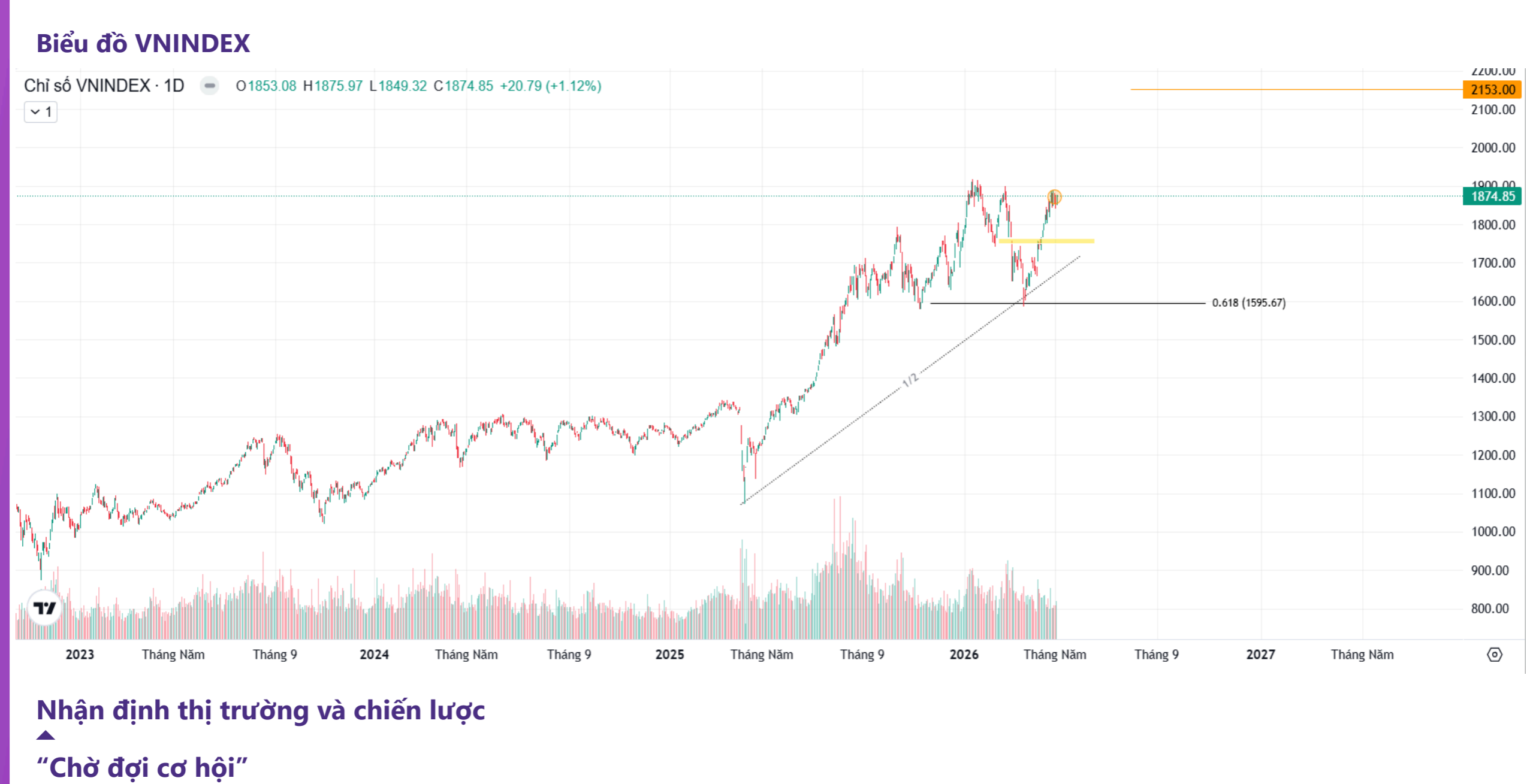


VNINDEX 1,874.85 +1.12%	HNX 247.42 -1.05%	UPCOM 127.26 -0.35%	DOW JONES 49,298.25 +0.73%	NIKKEI 225 59,513.12 +0.38%	DAX 24,401.70 +1.71%
--	------------------------------------	--------------------------------------	---	--	---------------------------------------



Nhận định thị trường và chiến lược
“Chờ đợi cơ hội”
 Kết thúc phiên giao dịch ngày 05/05, VN-Index tăng +20.79 điểm (+1.12%) lên mức 1874.85 điểm với 97 mã tăng, 213 mã giảm và 57 mã tham chiếu. Tổng khối lượng giao dịch đạt 773.4 triệu cổ phiếu (+11.6%). Tổng giá trị giao dịch đạt 22.355 tỷ đồng, tương ứng tăng +5.5% so với phiên trước.

Diễn biến các chỉ số chính: VN-Index (+1.12%), HNX-Index (-1.05%), UPCOM-Index (-0.35%), VN30 (+0.88%), VNMID (-0.49%), VNSML (-0.38%), VNDIAMOND (+0.08%), VNFINLEAD (-0.22%), VNCOND (+0.1%), VNCONS (-0.8%).

Khối ngoại bán ròng -996.5 tỷ đồng trên HOSE. Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất: ACB (-426.56 tỷ), HPG (-284.73 tỷ), FPT (-134.2 tỷ). Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu được mua ròng gồm: POW (+142.95 tỷ), PVT (+69.23 tỷ), VHM (+68.77 tỷ).

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
 VN-Index tiếp tục vận động biên độ hẹp dưới vùng đỉnh cũ 1880 điểm, thanh khoản đã có tín hiệu cải thiện so với phiên trước nhưng phần lớn giao dịch nghiêng về bên bán chủ lực. Dòng tiền có xu hướng thoát ra từ nhóm Bất động sản sang nhóm ngành khác. Hiện tại thị trường đang bám sát kịch bản tuần, nhà đầu tư tiếp tục quan sát vận động giá của chỉ số.

Xu hướng ngắn hạn: VN-Index đi ngang 5 phiên liên tiếp dưới vùng kháng cự 1880 điểm, thanh khoản duy trì ở mức thấp (quanh 20 nghìn tỷ đồng). Hiện tại đường giá đang nằm trên MA10 duy trì cho trạng thái tích cực của chỉ số, dòng tiền diễn ra thận trọng ở phần lớn các nhóm ngành nhưng xuất hiện nhóm nổi bật hơn là Dầu khí và Cảng - Vận tải biển đang thu hút nhà đầu tư khi giá tăng đồng thuận với khối lượng. Thị trường vẫn duy trì kịch bản điều chỉnh tái tích lũy ở ngắn hạn. Nhà đầu tư chú ý đến phản ứng giá rút chân tại vùng 1750 - 1800 điểm, cũng là hỗ trợ trong một xu hướng tăng giá.
 Hỗ trợ ngắn hạn - chân sóng tăng: 1586 - 1606 điểm.

Xu hướng trung hạn: VN-Index đang giao dịch trong vùng 1586 - 1880 điểm trên biểu đồ tuần, tuy nhiên dòng tiền chưa sẵn sàng bứt phá, đường giá vẫn vận động quanh vùng 1880 điểm. Xét về tổng quan, nhịp giảm trên khung ngày mang tính tích cực nhằm tạo cơ hội tích lũy (rủi bỏ) cho bước sóng mới. Các vị thế trung hạn đã được khuyến nghị giải ngân từ trước, nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ và chờ đợi mua gia tăng ở pha rũ bỏ của xu hướng ngắn hạn.
 Xu hướng trung hạn xác nhận tăng trở lại khi xu hướng ngắn hạn xác nhận tăng vượt đỉnh 1920 điểm.
 Hỗ trợ trên khung trung hạn: 1586 - 1606 điểm.

Kết luận: Kịch bản của thị trường không thay đổi so với kịch bản tuần, VN-Index cần tạo nhịp rũ bỏ trước khi có tín hiệu xác nhận mới. Nhà đầu tư chú ý đến vùng hỗ trợ ngắn hạn 1750 - 1800 điểm.

Với dự báo xu hướng của giai đoạn tới, chúng tôi đưa ra mức hỗ trợ - kháng cự như sau:
 Kháng cự 1: 2084 - 2154
 Kháng cự 2: 1880 - 1920
 Hỗ trợ 1: 1586 - 1606
 Hỗ trợ 2: 1486 - 1540

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG
 Hai phần ba nhóm ngành vẫn nghiêng về phía bán ròng trong khi nhóm Bất động sản vẫn giữ điểm số tăng. Tuy nhiên điều nổi bật trong phiên nằm ở chỗ một vài tín hiệu dòng tiền thoát ra từ phía Bất động sản và chảy sang nhóm Dầu khí, Cảng - Vận tải biển cho thấy dòng tiền đang tìm chỗ trú. Do thanh khoản còn khá thấp do đó diễn biến dịch chuyển của tiền sẽ không rõ nét. Nhà đầu tư tiếp tục ưu tiên quan sát các nhóm ngành có vận động kết thúc xu hướng giảm và các nhóm ngành bắt đầu tăng giá trở lại trước vận động giá của thị trường chung.

Với kịch bản điều chỉnh ngắn hạn (rủi bỏ), nhà đầu tư quan sát phản ứng rút chân của thị trường tại vùng hỗ trợ 1750 - 1800 điểm, tại đây có thể mua mới hoặc gia tăng các vị thế sẵn có trong danh mục.

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ

STT	Mã	Ngày mở MUA	Vùng mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Lợi nhuận dự kiến	Giá hiện tại (*)	%Lãi/lỗ hiện tại	Trạng thái
1	DHA	17/03/2026	51-53	56.5	49.5	8.65%	45.40	-12.69%	Nắm giữ
2	DBC	16/04/2026	23.3-23.9	25.8	22.0	9.32%	22.75	-2.36%	Nắm giữ
3	TCM	16/04/2026	23.5 - 24	26.3	22.0	10.74%	22.90	-2.55%	Nắm giữ

Lưu ý: Để xem lịch sử khuyến nghị của ABS, vui lòng click vào [đây](#).

TIN TỨC THẾ GIỚI

- IMF cảnh báo 'hậu quả tồi tệ' nếu xung đột Trung Đông kéo dài
- Lần đầu tiên sau Thế chiến II, nợ công của Mỹ vượt quá GDP
- UAE rời thêm một liên minh dầu mỏ

TIN TỨC NỔI BẬT TRONG NGÀY

- Vinaconex lại có Chủ tịch HĐQT mới
- Giải ngân vốn đầu tư công đến hết ngày 30/4 mới đạt 14.2% kế hoạch Thủ tướng giao
- Bắc Ninh sắp trình đề án thành phố trực thuộc Trung ương

LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý

- 06/05/2026: Công bố số liệu kinh tế VN tháng 4 và 4 tháng
- 08/05/2026: Công bố tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ

Chỉ số thị trường Việt Nam	05/05/2026	(+/-%) 1 phiên	(+/-%) 7 phiên	(+/-%) 30 phiên
VNINDEX	1,874.85	1.12%	0.94%	13.78%
VNINDEX GTGD (Tỷ VND)	22,395.36	5.59%	3.09%	-28.07%
HNX	247.42	-1.05%	-3.11%	1.63%
HNX GTGD (Tỷ VND)	1,264.18	-14.08%	-11.91%	-14.60%
Upcom	127.26	-0.35%	-1.24%	2.84%
Upcom GTGD (Tỷ VND)	646.67	-9.69%	30.55%	-25.98%
P/E VNindex (x)	13.83	1.17%	-6.99%	5.98%
P/B VNindex (x)	2.13	0.47%	-2.74%	10.94%

TOP TĂNG/GIẢM THEO VỐN HÓA TRÊN SÀN HOSE

Top cổ phiếu VN30	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	VHM 6.48%	SHB -2.44%	VRE 17.53%	SHB -7.89%	VIC 62.59%	PLX -8.29%
2	VRE 4.45%	GVR -2.36%	GVR 7.48%	ACB -4.24%	VHM 51.20%	GAS -5.24%
3	VPB 3.90%	ACB -2.16%	VIC 5.94%	DGC -3.28%	VRE 34.61%	SHB -4.67%
4	VIC 3.54%	SSI -1.44%	VPL 4.89%	HPG -3.19%	LPB 17.03%	DGC -4.50%
5	VPL 3.29%	VCB -1.32%	SAB 4.44%	MSN -3.04%	VJC 15.07%	ACB -1.74%

Top cổ phiếu Mid cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	STG 6.79%	NVL -6.81%	STG 14.22%	PC1 -26.06%	NVL 32.34%	PC1 -28.14%
2	PTV 6.74%	BHN -3.33%	ASM 10.97%	PNJ -8.10%	HCM 29.76%	TMP -15.36%
3	BSR 5.94%	PC1 -3.28%	DXS 9.23%	VSC -6.94%	DXS 25.16%	VSC -15.05%
4	ASM 4.15%	CII -3.15%	LGC 6.75%	REE -6.17%	KBC 18.59%	MCH -12.90%
5	PVD 3.94%	VTP -3.09%	PVT 6.74%	TMP -5.83%	SJS 18.09%	PNJ -11.48%

Top cổ phiếu Small cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	FDC 6.94%	TDH -7.00%	C32 25.89%	TMT -13.21%	TCO 39.47%	HRC -48.81%
2	ASP 6.90%	SPM -6.92%	HII 19.59%	HRC -12.89%	ASP 32.86%	DCL -34.27%
3	HUB 6.64%	TIX -6.90%	ASP 16.88%	TN1 -10.41%	HTN 29.54%	VPG -23.58%
4	PVP 5.83%	HRC -6.89%	SCS 16.67%	PTC -9.93%	PVP 29.15%	VNE -16.86%
5	TCO 5.30%	VNE -6.89%	ABR 13.85%	STK -9.15%	CDC 26.67%	NNC -16.82%

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA

	05/05/2026	(+/-%) 1 phiên	(+/-%) 7 phiên	(+/-%) 30 phiên
--	------------	----------------	----------------	-----------------

TTCK Toàn cầu

DAX	24,401.70	1.71%	1.13%	9.03%
Dow Jones	49,298.25	0.73%	0.27%	6.88%
FTSE 100	10,219.11	-1.40%	-1.54%	3.03%
Nikkei 225	59,513.12	0.38%	-0.12%	11.51%
S&P 500	7,259.22	0.81%	1.19%	10.72%

Tỷ giá

USD/VND	26,339.50	-0.06%	-0.07%	-0.07%
USD/JPY	157.22	0.13%	-1.36%	-0.94%
GBP/USD	1.35	-0.74%	0.00%	0.75%
EUR/USD	1.17	0.00%	0.00%	0.86%

Năng lượng

Dầu thô Brent	USD/Bbl	109.87	-3.99%	8.04%	5.15%
Khí tự nhiên	USD/MMBtu	2.79	-2.79%	2.20%	-4.12%
Than	USD/T	134.40	-0.85%	1.63%	-3.83%

Kim loại và vật liệu xây dựng

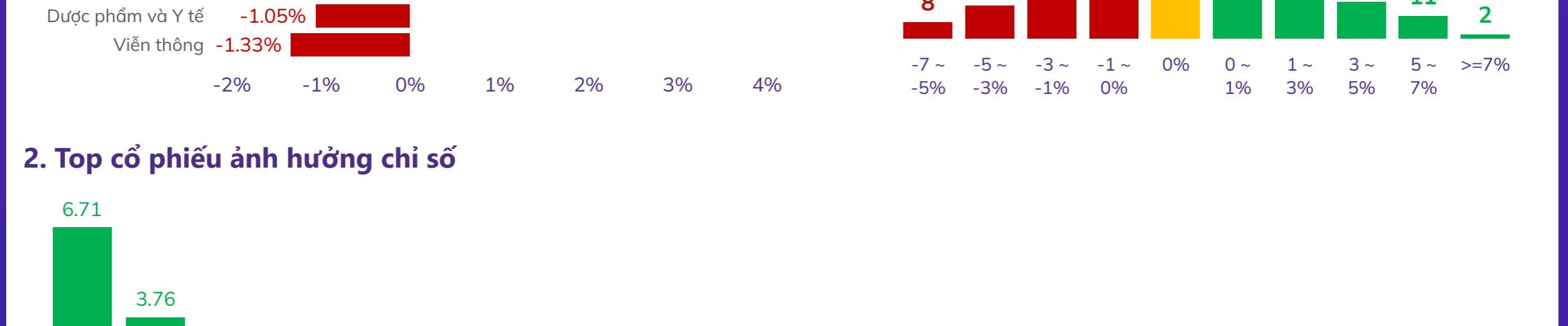
Thép	CNY/T	3,195.00	1.59%	2.24%	1.98%
Vàng	USD/t.oz	4,556.01	0.73%	-2.72%	1.86%
Đồng	USD/Lbs	5.84	0.69%	-2.99%	7.55%
Quặng sắt	USD/T	108.58	0.38%	1.35%	2.41%
Gỗ	USD/1000 board feet	574.00	0.17%	-1.46%	-3.69%
Thép cuộn cán nóng	USD/T	1,138.00	-0.09%	2.06%	7.87%
Bạc	USD/t.oz	72.71	-3.26%	-3.86%	2.12%

Nông nghiệp

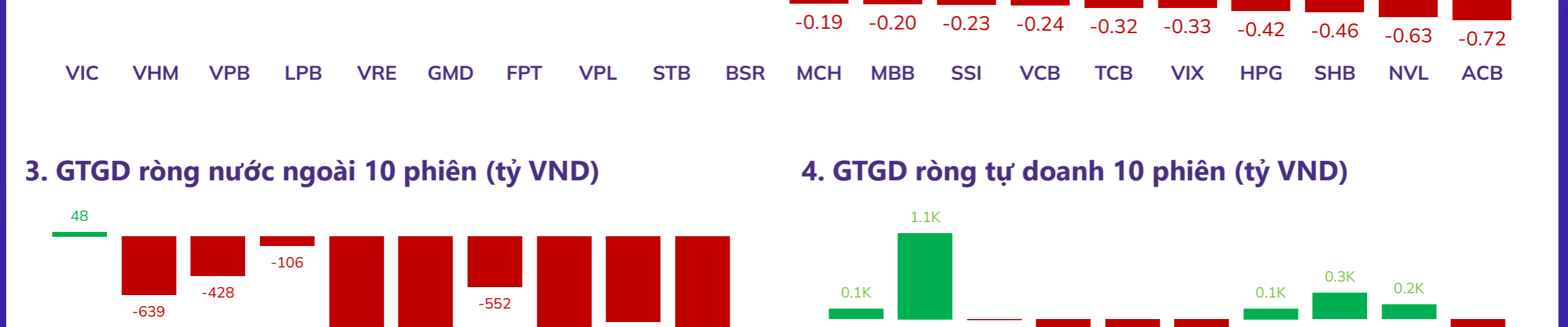
Cà phê	USD/Lbs	289.30	1.33%	0.28%	-8.48%
Lợn hơi	USD/Lbs	92.80	1.28%	-1.67%	1.92%
Đường	USD/Lbs	15.37	0.52%	10.02%	-1.16%
Cao su	USD Cents / Kg	217.20	0.42%	3.33%	14.74%
Lúa mì	USD/Bu	616.50	-2.07%	-0.80%	4.49%

BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 05/05/2026

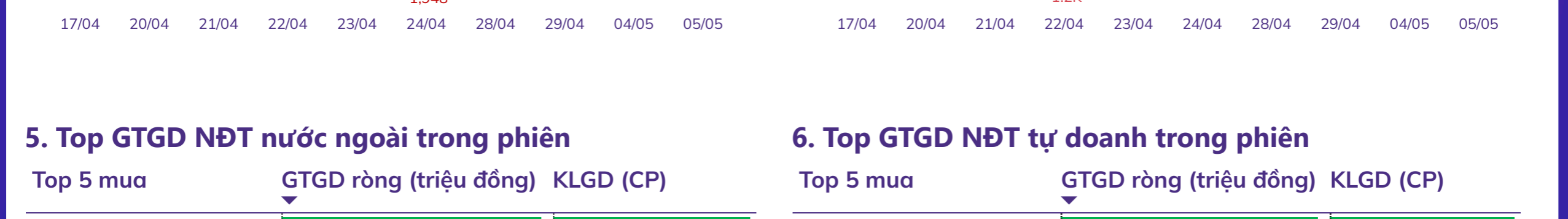
1. Độ rộng thị trường



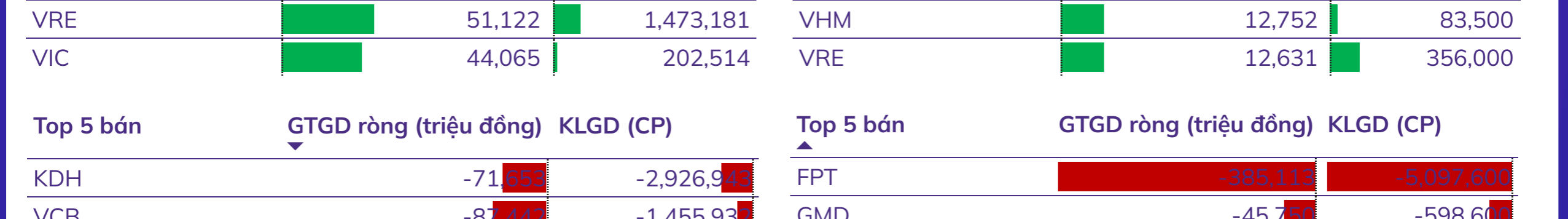
2. Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



3. GTGD ròng nước ngoài 10 phiên (tỷ VND)



4. GTGD ròng tự doanh 10 phiên (tỷ VND)



5. Top GTGD NĐT nước ngoài trong phiên

Top 5 mua	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)
POW	142,950	10,612,700
VHM	69,179	460,613
PVT	68,534	2,990,225
VRE	51,122	1,473,181
VIC	44,065	202,514

6. Top GTGD NĐT tự doanh trong phiên

Top 5 mua	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)
KBC	76,623	2,220,600
HPG	31,329	147,600
TCB	17,338	525,200
VHM	12,752	83,500
VRE	12,631	356,000

Top 5 bán	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)
KDBH	-71	-2,926,900
VCH	-8	-1,455,930
FPT	-	-1,828,800
HPG	-	-1,700,000
ACB	-	-1,500,000

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Địa chỉ: 36 P. Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3562 4626 Ext: 151

Email: research@abs.vn

Website: ABS.VN

Trải nghiệm ngay ứng dụng ABS Invest | Trải nghiệm ngay bảng giá ABS Web Trading

